|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  **TỔ: HÓA - SINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN CNCN - KHỐI LỚP 11**

(Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 2 Số học sinh: 80 .Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 4; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 Đại học: 4; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1): Tốt:4; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thiết bị | SL | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Nguyên liệu: Ssnr phẩm trồng trọt: (bột sắn, bột ngô, bột khoai )  Dụng cụ: Xô nhự có nắp, màng nilong, chày, cối sứ, cân. | 4 | Chế biến thức ăn giàu tinh bột bằng phương pháp lên men |  |
| 2 | Nguyên liệu: Các loại thức ăn thô, xanh(cỏ, lá sắn, rơm rạ…)  Dụng cụ: Túi ủ nilong, xô nhựa có nắp, dao, thớt… | 4 | Chế biến và bảo quản thức ăn thô, xanh bằng phương pháp ủ chua |  |
| 3 | Nguyên liêu: Xi măng trắng, đất sét, calcium hydrophotphat, muối ăn, magie, nước  Dụng cụ: Khuân bánh, cân, xô, chậu nhựa, thùng | 4 | Làm bánh dinh dưỡng bổ sung khoáng cho trâu bò |  |
| 4 | Nguyên liệu: Vỏ trứng, vỏ sò, sỏi  Dụng cụ; Nồi, chảo, bếp, dụng cụ nghiền, cân, chậu nhựa, thìa trộn |  | Làm thức ăn bổ sung khoáng cho gia cầm, chim cảnh |  |
| 5 | Nguyên liệu: Sữa bế, nước đá, muối, trứng  Dụng cụ: Chậu, máy đánh trứng | 4 | Làm bơ sữa |  |
| 6 | Nguyên liêu: Thịt lợn, 100 gam tính gạo, tỏi, ớt, các gia vị, lá chuối, lá ổi  Dụng cụ: Dao thớt, chậu đũa bát… | 4 | Làm nem chua |  |

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập*(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thí nghiệm thực hành/phòng bộ môn | 1 | Tổ sinh –Công nghệ  Sử dụng cho các bài học thực hành |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**Cả năm:** 35 tuần x 2 tiết = 70 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 2 tiết = 36 tiết (4 tiết ôn tập và kiểm tra);

**HK2:** 17 tuần x 2 tiết = 34 tiết (4 tiết ôn tập và kiểm tra).

**1.Phân phối chương trình môn công nghệ lớp 11.**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI LỚP 11**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Nôi dung bào học  Tên bài(chủ đề) | Tổng tiết | Tiết PPCT | Yêu cầu cần đạt |
| **Chương I: Giới thiệu chung về trồng trọt** | | | | |
| Tuân 1 | Bài 1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi | 2 | 1 | -Vai trò của chăn nuôi  -Nêu được một số thành tuwijnooir bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi |
| 2 | -Thấy được triển vọng của chăn nuôi trong bối ảnh cuộc cách mang 4.0  -nêu được yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi |
| Tuần 2 | Bài 2. Vật nuôi và phương thức chăn nuôi | 2 | 3 | -Học sinh phân loại được vật nuôi trong chăn nuôi  -Biết được một số phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam |
| 4 | Biết được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và tên thế giới |
| Tuần 3 | Ôn tập chương I | 1 | 5 | Học sinh khắc sâu các kiến thức đã học |
| **Chương II. Công nghệ giống vật nuôi** | | | | |
| Tuần 3 | Bài 3. Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi | 1 | 6 | -Năm được giống vật nuôi và điều kiện để công nhận giống vật nuôi  -Nêu được vai trò của gióng trong chăn nuôi |
| Tuần 4 | Bài 4. Chọn giống vật nuôi | 2 | 7 | -Nêu được khái niệm chọn giống vật nuôi  -Nắm được các chỉ tiêu cơ bản chọn giống vật nuôi |
| 8 | Nắm được một số phương pháp chọn giống trong chăn nuôi |
| Tuần 5,6 | Bài 5. Nhân giống vật nuôi | 3 | 9 | Nắm được khái niệm và mục đích của nhân giống vật nuôi thuần chủng |
| 10 | Nắm được khái niệm về lai giống và một số phương pháp lai |
| 11 | Nắm được khái niệm về lai giống và một số phương pháp lai(tt) |
| Tuần 6,7 | Bài 6. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi | 3 | 12 | -Khái niệm cấy truyền phôi  -Các bước trong công nghệ cấy truyền phôi  -Ý nghĩa của công nghệ cấy truyền phôi |
| 13 | -Khái niệm thụ tinh trong ống nghiệm  -Các bước thụ tinh trong ống nghiệm  -Ý nghĩa của thụ tinh trong ống nghiệm |
| 14 | -Xác định giới tính của phôi  -Úng dụng chỉ thị phân tử trong chọn giống vật nuôi |
| **Tuần 8** | **Ôn tập chương II và kiểm tra giữa HKI** | **2** | **15** | **Học sinh khắc sâu kiến thức đã học để kiểm tra giữa HKI** |
| **16** | **Kiểm tra giữa HKI** |
| **Chương III: Công nghệ thức ăn chăn nuôi** | | | | |
| Tuần 9,10 | Bài 7. Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi | 3 | 17 | -Nắm được khái niệm và vai trò của tức ăn trong chăn nuôi  -Phân tích được thành phần dinh dưỡng và vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi |
| 18 | -Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi  -Khái niệm về tiêu chuẩn thức ăn  -Phân tích được các chỉ số dinh dưỡng biểu thị tiêu chuẩn thức ăn |
| 19 | Khái niệm khẩu phần ăn và biết cách lập khẩu phần và trộn thức ăn |
| Tuần 10,11 | Bài 8. Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi | 3 | 20 | -Biết các phương pháp sản xuất thức ăn truyền thống  -Biết sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh |
| 21 | Biết được một số phương pháp chế biến thức ăn trong chăn nuôi |
| 22 | Biết được công nghệ chế biến thức ăn nhờ công nghệ vi sinh và bằng dây chuyền tự động |
| Tuần 12 | Bài 9. Bảo quản thức ăn chăn nuôi | 2 | 23 | -Khái niệm và ý nghĩa bảo quản thức ăn trong chăn nuôi  -Biết cách bảo quản thức ăn trong kho |
| 24 | -Biết cách bảo quản thức ăn bằng phương pháp lạnh  -Biết ưng dụng công nghệ cao để bảo quản thức ăn trong chăn nuô |
| Tuần 13 | Bài 10. Thực hành: Chế biến, bảo quản thức ăn cho vật nuôi | 1 | 25 | -Thực hiện được việc chế biến một số loại thức ăn chăn nuôi  -Thực hiện được việc bảo quản một số loại thức ăn chăn nuôi |
| Tuần 13 | Ôn tập chương III | 1 | 26 | Học sinh khắc sâu kiến thức đã học |
| **Chương IV:Phòng, trị bệnh vật nuôi** | | | | |
| Tuần 14 | Bài 11. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | 2 | 27 | -Khái niệm về bệnh ở vật nuôi  -Trình bày đượcvai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi |
| 28 | Đề xuất được các biện pháp an toàn cho người, vật nuôi và môi trường |
| Tuần 15,16 | Bài 12. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị. | 3 | 29 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh dịch tả ở lợn |
| 30 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh tai xanh ở lợn |
| 31 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh tụ huyết trùng ở lợn |
| Tuần 16,17 | Bài 13. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị | 3 | 32 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh newcastle ở gia cầm |
| 33 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh cóm ở gia cầm |
| 34 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm |
| **Tuần 18** | **-Ôn tập kiểm tra cuối học kỳ I**  **-Kiểm tra cuối học kỳ I** | **2** | **35** | **Học sinh khắc sâu kiến thức đà học để kiểm tra cuối học kỳ I** |
| **36** | **Kiểm tra cuối học kỳ I** |
| Tuần 19 | Bài 14. Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị | 2 | 37 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh lỡ mòm long móng ở trâu, bò |
| 38 | Nêu được đặc điểm , nguyên nhân và biện pháp phòng trị bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò |
| Tuần 20 | Bài 15. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi. | 2 | 39 | Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vacxxin phòng bệnh cho vật nuôi |
| 40 | Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong phát hiện sơm virut gây bệnh cho vật nuôi |
| Tuần 21 | Ôn tập chương IV | 1 | 41 | Học sinh khắc sâu kiến thức đã học |
| Tuần 21,22 | **Chương V: Công nghệ chăn nuôi**  Bài 16. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi | 3 | 42 | Trình bày được những yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến |
| 43 | Trình bày được những yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến(tt) |
| 44 | Đề xuất được một số biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |
| Tuần 23,24,25 | Bài 17. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 5 | 45 | Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng |
| 46 | Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt |
| 47 | Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc bò sữa |
| 48 | Biết cách chế biến thức ăn bổ sung khoáng cho vật nuôi |
| 49 | Biết cách chế biến thức ăn bổ sung khoáng cho vật nuôi(tt) |
| Tuần 25,26 | Bài 18. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | 2 | 50 | -Nêu được khái niệm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap  -Phân tích được qui trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap |
| 51 | -Phân tích được qui trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap(tt) |
| **Tuần 26,27** | **-Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ II**  **-Kiểm tra giữa học kỳ II** | **2** | **52** | **Học sinh ôn tâp lại kiến thức đã học để kiểm ta giữa học kỳ II** |
| **53** | **Kiểm tra giữa học kỳ II** |
| Tuần 27,28 | Bài 19. Chăn nuôi công nghệ cao | 2 | 54 | -Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao  -Biết được một số mô hình chăn nuôi công nghê cao |
| 55 | -Biết được một số mô hình chăn nuôi công nghê cao(tt) |
| Tuần 28,29,30 | Bài 20. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi | 5 | 56 | Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi |
| 57 | Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi(tt)  Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sản phẩm chăn nuôi |
| 58 | Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sản phẩm chăn nuôi(tt) |
| 59 | Biết chế biến sản phẩm chăn nuôi bằng phương phápđơn giản – Làm bơ sữa |
| 60 | Biết chế biến sản phẩm chăn nuôi bằng phương phápđơn giản – Làm nem chua |
| Tuần 31 | Ôn tập chương V | 1 | 61 | Học sinh khắc sâu kiến thức đã học |
| **Chương VI: Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | | | | |
| Tuần 31,32 | Bài 21. Sự cần thiết bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 3 | 62 | Học sinh nắm được một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi |
| 63 | -Phân tích được những ảnh hưởng của môi trương đến chăn nuôi  -Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |
| 64 | -Biết một số biện pháp làm hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi  -Có ý thức bảo vệ môi trường vận dụng vào thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương |
| Tuần 33,34 | Bài 22. Xử lý chất thải chăn nuôi | 3 | 65 | Mô tả một số biện pháp phổ biến trong xử lý chất thải khi chăn nuôi |
| 66 | Mô tả một số biện pháp phổ biến trong xử lý chất thải khi chăn nuôi(tt) |
| 67 | Nêu được ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường |
| Tuần 34 | Ôn tập chương VI | 1 | 68 | Học sinh khắc sâu kiến thức đã học ở chương VI |
| **Tuần 35** | **-Ôn tập kiểm tra cuối học kỳ II**  **-Kiểm tra cuối học kỳ II** | **2** | **69** | **Học sinh khắc sâu kiến thức đà học để kiểm tra cuối học kỳ II** |
| **70** | **Kiểm tra cuối học kỳ II** |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | Nội dung chương I, II, | Viết |
| Cuối kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Nội dung chương I, II, III. IV | Viết |
| Giữa kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Nội dung chương V, VI | Viết |
| Cuối kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Nội dung chương V, VI, VII, VIII | Viết |

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

**III. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

1. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn:Dạy học theo nghiên cứu bài học

2. Bồi dưỡng HS giỏi: Bồi dưỡng HS giỏi lớp 12

3. Hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU Đại Thắng, ngày 04 tháng 09 năm 2024**

*(Ký và ghi rõ ho, tên)* Tổ trưởng bộ môn

Trần Văn Hưng

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)